

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể, tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCT-BNV ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc

tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 21/TTr-TT ngày 11 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2022.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh
- Lưu: VT, KGVX, Công TTĐT, THNC. (54b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng



QUY ĐỊNH

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 21 /2022/QĐ-UBND ngày 5 tháng 4 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Đồng Nai (sau đây viết là Thanh tra tỉnh).
2. Áp dụng đối với công chức, người lao động thuộc Thanh tra tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Thanh tra tỉnh.

Điều 2. Vị trí, chức năng

Thanh tra tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và trụ sở làm việc

1. Thanh tra tỉnh chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai mà trực tiếp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về công tác, tổ chức và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.
2. Thanh tra tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.
3. Thanh tra tỉnh đặt trụ sở tại số 1126, đường Phạm Văn Thuận, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN; CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, cụ thể sau:

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

b) Dự thảo quy hoạch, kế hoạch 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh đối với cấp Trưởng, cấp Phó các phòng thuộc Thanh tra tỉnh; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra Sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện, thành phố thuộc tỉnh.

d) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Thanh tra tỉnh.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Dự thảo chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

c) Dự thảo các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Giám đốc sở trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức, nghiệp vụ thanh tra hành chính, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đối với Thanh tra huyện, thành phố; Thanh tra sở.

6. Về thanh tra

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của Thanh tra các huyện, thành phố, Thanh tra sở.

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy

ban nhân dân tỉnh; thanh tra vụ việc phức tạp có liên quan đến trách nhiệm của nhiều sở; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh; thanh tra đối với doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và các cơ quan, đơn vị khác theo kế hoạch được duyệt hoặc đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

c) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của Giám đốc sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chánh Thanh tra sở; Chánh Thanh tra huyện, thành phố khi cần thiết.

e) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Giám đốc sở kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chánh Thanh tra sở; Chánh Thanh tra huyện, thành phố kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

g) Yêu cầu Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thanh tra trong phạm vi quản lý của sở, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện việc tiếp công dân tại trụ sở làm việc theo quy định.

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp để làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao.

Tổ chức đối thoại với công dân trong quá trình giải quyết khiếu nại theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Giám đốc sở đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp

luật thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết lại theo quy định.

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

8. Về phòng, chống tham nhũng

a) Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước theo quy định Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

b) Phối hợp với cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng.

c) Tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổng hợp kết quả kê khai, công khai, xác minh, kết luận, xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập trong phạm vi địa phương mình; định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra Chính phủ.

d) Thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương theo quy định Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

đ) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

9. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra tỉnh theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các Đoàn thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra Chính phủ.

11. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ được giao.

12. Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Thực hiện công tác thông tin, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Thanh tra Chính phủ. Cập nhật thông tin, báo cáo lên Hệ thống Cơ sở dữ liệu báo cáo tổng hợp do Thanh tra Chính phủ quản lý.

13. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, các Phòng Nghiệp vụ thuộc Thanh tra tỉnh; quản lý biên chế, công chức, thực hiện các chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Phối hợp với Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh thanh tra; tham gia ý kiến thỏa thuận về việc điều động, luân chuyển Thanh tra viên thuộc Thanh tra sở, Thanh tra huyện, thành phố thuộc tỉnh.

15. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Lãnh đạo Thanh tra tỉnh

1. Thanh tra tỉnh có Chánh Thanh tra và 03 Phó Chánh Thanh tra.

2. Chánh Thanh tra tỉnh là ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, là người đứng đầu cơ quan Thanh tra tỉnh, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm lại Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Thanh tra Chính phủ ban hành và sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

Việc miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

3. Phó Chánh Thanh tra tỉnh là người giúp Chánh Thanh tra tỉnh và chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi Chánh Thanh tra tỉnh vắng mặt, một Phó Chánh Thanh tra tỉnh được Chánh Thanh tra tỉnh ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra tỉnh.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm lại Phó Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Thanh tra Chính phủ ban hành và đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh.

Việc miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật và đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh.

4. Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, gồm:

- a) Văn phòng.
- b) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 1).
- c) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2 (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 2).
- d) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3 (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 3).
- đ) Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 4).

2. Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm ban hành quy chế làm việc, chương trình công tác, hoạt động của Thanh tra tỉnh, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Văn phòng và các phòng chuyên môn.

Điều 7. Biên chế

1. Trên cơ sở số biên chế công chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm, Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện phân bổ phù hợp vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, đảm bảo biên chế tối thiểu 06 công chức mỗi phòng; số lượng cấp phó trưởng phòng và tương đương đảm bảo theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Thanh tra tỉnh xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Chế độ làm việc

1. Thanh tra tỉnh làm việc theo chế độ thủ trưởng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, Chánh Thanh tra tỉnh quyết định các hoạt động thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định hoặc theo ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả hoạt động của Thanh tra tỉnh; chịu trách nhiệm trước Thanh tra Chính phủ về công tác chuyên môn, nghiệp vụ và các nhiệm vụ được ủy quyền.

2. Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra Chính phủ về tổ chức, hoạt động của cơ quan; xin ý kiến về những vấn đề vượt quá thẩm quyền và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu; phối hợp với thủ trưởng cơ quan chuyên môn khác và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để giải quyết các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh.

3. Chánh Thanh tra tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng thuộc Thanh tra tỉnh theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý công tác tổ chức, biên chế, chế độ tiền lương và chính sách đãi ngộ, khen thưởng và kỷ luật đối với công chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Thực hiện chế độ giao ban định kỳ trong nội bộ cơ quan; tùy theo tình hình tổ chức tổng kết định kỳ hàng năm nhằm đánh giá kết quả công tác và triển khai nhiệm vụ được giao của ngành Thanh tra tỉnh.

Điều 9. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Thanh tra Chính phủ

Thanh tra tỉnh chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ. Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn và cung cấp thông tin tài liệu cho Thanh tra Chính phủ theo định kỳ và theo yêu cầu đột xuất.

2. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh

Thanh tra tỉnh chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ trên lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; có trách nhiệm báo cáo, trình bày, cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân tỉnh phục vụ công tác giám sát; trả lời chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra tỉnh.

3. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thanh tra tỉnh chịu sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh mà trực tiếp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Chánh Thanh tra tỉnh chấp hành các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh, định kỳ báo cáo công tác tháng, quý, năm với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Trước khi tổ chức thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan đến chương trình kế hoạch chung của tỉnh, Thanh tra tỉnh báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đối với Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh

Thanh tra tỉnh báo cáo và xin ý kiến Đảng uỷ khối về vấn đề liên quan đến tổ chức cán bộ theo thẩm quyền.

5. Đối với các sở, ban, ngành và đoàn thể

a) Thanh tra tỉnh tăng cường mối quan hệ với các sở, ban, ngành và đoàn thể trên nguyên tắc cộng đồng trách nhiệm, hỗ trợ lẫn nhau theo chức năng của từng cơ quan để hoàn thành nhiệm vụ chính trị chung của tỉnh và nhiệm vụ riêng của mỗi cơ quan.

b) Thanh tra tỉnh có nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ về chuyên môn, nghiệp vụ, các lĩnh vực công tác thuộc chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh đối với các các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Phối hợp với các sở, ban, ngành trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến công tác thanh tra, công tác tổ chức cán bộ của Thanh tra sở, ban, ngành.

c) Các sở, ban, ngành, đoàn thể chịu sự kiểm tra của Thanh tra tỉnh trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

6. Đối với các cơ quan đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

Thực hiện mối quan hệ bình đẳng cùng bàn bạc, trao đổi thống nhất trong việc giải quyết các nhiệm vụ có liên quan, đảm bảo thực hiện đầy đủ các nguyên tắc theo quy định của pháp luật.

7. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh

a) Thanh tra tỉnh có nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ về chuyên môn, nghiệp vụ, các lĩnh vực công tác thuộc chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hoà. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hoà trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến công tác thanh tra, công tác tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Thanh tra các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hoà.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hoà chịu sự kiểm tra của Thanh tra tỉnh trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức theo Quy định này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, của địa phương, có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy định này.

Điều 11. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Chánh Thanh tra tỉnh phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật./.

